

# MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ SIÊU NHỎ TRÊN ĐỊA BÀN HẢI PHÒNG

Phạm Văn Hồng\*

*Các doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ (DNN&SN) có vai trò to lớn trong việc phát triển kinh tế xã hội của các tỉnh thành phố trong cả nước. Mặc dù Chính phủ đã ban hành nhiều chính sách thúc đẩy phát triển nhưng trong thực tế khu vực doanh nghiệp này vẫn đang gặp rất nhiều khó khăn. Dựa trên kết quả khảo sát thực địa và các tài liệu, văn bản về DNN&SN, bài viết phân tích và đánh giá thực trạng các DNN&SN, những thuận lợi và khó khăn, cũng như những đóng góp trong quá trình phát triển kinh tế xã hội thành phố Hải Phòng. Từ đó, tác giả đề xuất một số kiến nghị đối với các cơ quan quản lý nhà nước của thành phố, các hiệp hội doanh nghiệp và các DNN&SN nhằm đẩy mạnh phát triển DNN&SN trong bối cảnh kinh tế hiện nay.*

**Từ khóa:** Doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ, Doanh nghiệp nhỏ và vừa, Phát triển kinh tế-xã hội, Thành phố khởi nghiệp

## 1. Đặt vấn đề

Chính phủ (2009) quy định doanh nghiệp nhỏ và vừa là cơ sở kinh doanh đã đăng ký kinh doanh theo quy định pháp luật, được chia thành ba cấp gồm: siêu nhỏ, nhỏ, và vừa, dựa trên một trong hai tiêu chí là nguồn vốn hoặc số lao động bình quân hàng năm. Trong đó, doanh nghiệp nhỏ là những cơ sở kinh doanh có số vốn từ 20 tỷ đồng trở xuống (đối với lĩnh vực thương mại là 10 tỷ đồng) và số lao động từ 10 người đến 200 người (đối với lĩnh vực thương mại là từ 10 người đến 50 người); doanh nghiệp siêu nhỏ là những cơ sở kinh doanh có từ 10 lao động trở xuống.

Các DNN&SN có vai trò to lớn trong việc phát triển kinh tế xã hội của các tỉnh thành phố trong cả nước. Việc phát triển DNN&SN cho phép khai thác và sử dụng có hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên, nguồn vốn, công nghệ và thị trường; tạo công ăn việc làm cho người lao động; góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế; giảm bớt chênh lệch giàu nghèo; hỗ trợ cho sự phát triển của các doanh nghiệp lớn; duy trì và phát triển các ngành nghề truyền thống...

Các DNN&SN có lợi thế lớn trong quá trình hình thành và phát triển. Đặc điểm nổi bật là dễ thành lập, mặt bằng sản xuất không lớn, năng động, linh hoạt trước những biến động của thị trường. Nguyên

nhân là do vốn ít, cơ cấu bộ máy gọn nhẹ nên các DNN&SN dễ hoạt động cũng như dễ rút lui khỏi lĩnh vực kinh doanh. Các DNN&SN có cơ cấu tổ chức quản lý gọn nhẹ số lượng lao động không nhiều, chủ yếu là lao động có chuyên môn không cao, dễ thu hút lao động với chi phí thấp, do đó công tác tổ chức, điều hành không quá phức tạp như những doanh nghiệp lớn, nhờ đó nâng cao hiệu quả quản lý và sản xuất kinh doanh, tiết kiệm được chi phí.

Qui mô nhỏ và siêu nhỏ nên tạo ra khá nhiều lợi thế cho các DNN&SN, nhưng mặt khác nó cũng khiến cho các doanh nghiệp gặp không ít khó khăn. Nguồn vốn tài chính hạn chế dẫn tới khó khăn trong đổi mới công nghệ, mua sắm trang thiết bị, đặc biệt là đối với công nghệ đòi hỏi vốn đầu tư lớn; khó khăn trong đào tạo và nâng cao trình độ tay nghề cho người lao động. Hơn nữa, DNN&SN còn thường bị động trong các quan hệ, khả năng tiếp thị, thường gặp khó khăn trong việc thiết lập và mở rộng hợp tác với bên ngoài... từ đó ảnh hưởng và hạn chế sức cạnh tranh của doanh nghiệp trên thương trường.

Tại Hải Phòng, DNN&SN có số lượng đông đảo, chiếm tới hơn 99% tổng số các doanh nghiệp trong toàn thành phố; tạo công ăn việc làm cho hơn 60% lực lượng lao động, đặc biệt đối với lực lượng lao

động nông thôn và chưa qua đào tạo (Cục Thống kê thành phố Hải Phòng, 2012); đóng góp đáng kể vào trong GDP của thành phố. Họ đang khẳng định vai trò không thể thiếu của mình trong quá trình phát triển kinh tế xã hội, nhất là trong bối cảnh kinh tế thành phố đang gặp nhiều khó khăn.

Tuy nhiên, bên cạnh những thuận lợi, các DNN&SN Hải Phòng đang gặp rất nhiều các khó khăn. Bài viết sẽ phân tích và đánh giá thực trạng các DNN&SN, những thuận lợi và khó khăn, cũng như những đóng góp trong quá trình phát triển kinh tế xã hội thành phố Hải Phòng, từ đó đề xuất một số kiến nghị nhằm tiếp tục đẩy mạnh phát triển DNN&SN trong bối cảnh kinh tế hiện nay của Thành phố.

## 2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu của tác giả dựa trên kết quả khảo sát thực địa các DNN&SN tại Hải Phòng (Phạm Văn Hồng và Nguyễn Thị Trang, 2013). Cuộc khảo sát được tiến hành trong khoảng thời gian từ 15/4-20/5/2013 với mẫu phỏng vấn là 112 DNN&SN; 10 cán bộ lãnh đạo thành phố, sở, ngành liên quan; 10 chuyên gia, các nhà khoa học trên địa bàn thành phố. Mẫu phỏng vấn doanh nghiệp được lựa chọn theo nguyên tắc ngẫu nhiên dựa trên danh sách các DNN&SN do Sở Kế hoạch và Đầu tư cung cấp. Bảng câu hỏi phỏng vấn được thiết kế nhằm tìm hiểu thực trạng về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hiện tại, những điểm mạnh và điểm yếu, những mong muốn của họ đối với Thành phố trong việc tạo điều kiện để phát triển doanh nghiệp, những đóng góp của DNN&SN trên địa bàn thành phố cũng như những giải pháp để thúc đẩy phát triển DNN&SN... Ngoài ra, tác giả cũng tổ chức 02 cuộc thảo luận nhóm nhỏ với các đối tượng có liên quan đến đề tài nghiên cứu nhằm khai thác và đối chứng những thông tin cần thiết phục vụ quá trình nghiên cứu.

Bên cạnh việc khảo sát thực địa, tác giả cũng dựa vào các nguồn tài liệu thứ cấp hiện có để phân tích đối chiếu, bao gồm các bài viết, các công trình nghiên cứu, các tài liệu về DNN&SN, các tài liệu liên quan đến chiến lược phát triển kinh tế xã hội của Hải Phòng.

## 3. Kết quả nghiên cứu

Qua quá trình thu thập và phân tích các tài liệu hiện có; kết hợp với phân tích kết quả khảo sát các DNN&SN trên địa bàn thành phố, thực trạng và

những khó khăn trong quá trình phát triển DNN&SN của Hải Phòng được phản ánh qua những nội dung sau:

### - Về số lượng

Các DNN&SN trên địa bàn thành phố ước tính gồm 5.298 doanh nghiệp đăng ký theo luật doanh nghiệp, hơn 83.000 các cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể trong lĩnh vực công nghiệp, xây dựng, dịch vụ, khách sạn, nhà hàng và hơn 170 cơ sở sản xuất nông- lâm- thủy sản, chiếm hơn 99% trong tổng số các doanh nghiệp của thành phố<sup>1</sup>.

### - Đóng góp vào GDP của thành phố

Với số lượng lớn, các DNN&SN có đóng góp quan trọng vào giá trị GDP của toàn thành phố, giúp GDP của thành phố tăng trưởng nhanh. Nếu như năm 2000, tỷ lệ đóng góp GDP của các DNN&SN là 8.389,68 tỷ đồng, thì con số này năm 2005 là 1.7097,28 tỷ đồng và năm 2011 là 4.5827,28 tỷ đồng (Cục Thống kê Thành phố Hải Phòng, 2012). So với năm 2000 thì tốc độ đóng góp GDP của các DNN&SN đã tăng lên hơn 5 lần. Đó là minh chứng cho sự phát triển lớn mạnh cả về số lượng và giá của các DNN&SN và chứng tỏ vai trò không thể thiếu của các DNN&SN trong quá trình phát triển kinh tế của thành phố.

### - Góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế thành phố

Kinh tế Hải Phòng phát triển phù hợp với định hướng chiến lược phát triển kinh tế chung của cả nước, đó là tập trung vào phát triển thương mại-dịch vụ, công nghiệp và giảm dần tỷ trọng của nông nghiệp. Giá trị đóng góp lớn nhất trong GDP là khu vực dịch vụ, tiếp đó là khu vực công nghiệp và xây dựng; khu vực nông, lâm, thủy sản (UBND Thành phố Hải Phòng, 2010). Tốc độ tăng của ngành dịch vụ thể hiện sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo những dấu hiệu tích cực, phù hợp với vị trí của Hải Phòng so với các tỉnh, thành phố khác trong cả nước. Các DNN&SN trong lĩnh vực thương mại và dịch vụ của Thành phố chủ yếu hoạt động trong các ngành dịch vụ ăn uống, khách sạn, nhà hàng, xây dựng, chế biến thủy hải sản... và tập trung tương đối lớn ở một số khu vực làng nghề truyền thống.

### - Giải quyết lao động việc làm

Nhờ giữ được nhịp độ tăng trưởng kinh tế của thành phố liên tục trong nhiều năm với tốc độ cao (trung bình 12,5% năm) nên các DNN&SN của Thành phố đã góp phần giải quyết một số lượng đáng kể nhân công lao động. Ước tính số lượng lao

động của toàn thành phố làm trong khu vực DNN&SN là khoảng 500.000 người lao động, chiếm hơn 60% lực lượng lao động toàn thành phố (Cục thống kê Thành phố Hải Phòng, 2012).

*- Thu hút vốn đầu tư*

Sự phát triển mạnh mẽ của các DNN&SN trên địa bàn Thành phố đã thu hút được một lượng lớn vốn nhân rồi trong nhân dân đầu tư vào quá trình sản xuất kinh doanh. Các hộ kinh doanh cá thể thường bắt đầu kinh doanh với số vốn không quá lớn, họ có thể tự huy động của bản thân, cũng có thể vay mượn từ bạn bè, người thân, vay mượn từ ngân hàng để bắt đầu khởi nghiệp. Các chính sách ưu đãi về vốn của thành phố cũng tạo cơ hội để các hộ gia đình, có thể tiếp cận dễ dàng với nguồn vốn khởi nghiệp. Năm 2011, tổng số vốn đăng ký của các NN&SN khoảng 7.794,4 tỷ đồng; năm 2012 là 6.110,8 tỷ đồng, chiếm hơn 96% tổng vốn đăng ký của các loại hình doanh nghiệp.

*- Khó khăn về vốn*

Khi được hỏi về nguồn vốn, câu trả lời của các DNN&SN là 52% các doanh nghiệp khởi nghiệp từ nguồn vốn riêng, 27% huy động từ bạn bè và gia đình, 18% huy động nguồn vốn từ ngân hàng. Vì vậy khi nguồn vốn riêng tự có giảm thì các doanh nghiệp buộc phải huy động từ Ngân hàng là chính. Tuy nhiên, chỉ có 18% các doanh nghiệp huy động vốn được từ ngân hàng. Điều đó cho thấy việc tiếp cận được nguồn vốn từ ngân hàng và các tổ chức tín dụng là khó khăn. Nguyên nhân cơ bản là do doanh nghiệp không có các điều kiện về tài sản đảm bảo, không đáp ứng được các yêu cầu vay vốn của ngân hàng.

*- Khó khăn về lao động*

Các DNN&SN có nhiều hạn chế trong việc đào tạo người lao động và thậm chí cả chủ doanh nghiệp, dẫn đến trình độ thành thạo của người lao động cũng như trình độ quản lý của chủ doanh nghiệp ở mức độ thấp, nên khó nâng cao sản xuất và hiệu quả kinh doanh. Có tới 20% doanh nghiệp được khảo sát cho rằng đang thiếu lao động được đào tạo, có chất lượng phù hợp với yêu cầu công việc.

*- Yếu tố xã hội*

Khi tiến hành khảo sát các yếu tố xã hội gây cản trở gì cho việc kinh doanh, kết quả cho thấy có 27% các doanh nghiệp cho rằng trách nhiệm với gia đình là một cản trở, 15% cho rằng khó khăn do hạn chế

về tuổi tác và giới tính. Trong khi đó, việc ủng hộ của gia đình và xã hội cũng là nhân tố quan trọng trong hoạt động khởi sự kinh doanh của các chủ doanh nghiệp. Tuy nhiên, 15% doanh nghiệp được hỏi vẫn còn gặp phải những khó khăn đó, lý do có thể là do họ đã có những ý tưởng kinh doanh sáng tạo nhưng chưa có sự thuyết phục về hiệu quả hoạt động của mô hình kinh doanh của mình hoặc cũng có thể do sự nhìn nhận và đánh giá của xã hội về mô hình DNN&SN chưa cao.

*- Cơ quan quản lý và các thủ tục hành chính*

DNN&SN hiện nay vẫn phải đối mặt với thực trạng về việc phải trả các khoản chi phí không chính thức để “được việc”. Đó là các khoản “bôi trơn” trước mắt giúp doanh nghiệp có thể thực hiện nhanh các giao dịch đối với các cơ quan quản lý nhà nước. Theo số liệu khảo sát, có tới 25% số doanh nghiệp được hỏi đang và đã từng chi các khoản chi không chính thức để được việc. Ngoài ra, các DNN&SN còn gặp khó khăn về việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế, trong đó có cả các nguyên nhân chủ quan từ phía các doanh nghiệp. Có tới 20% doanh nghiệp chưa hiểu rõ các đối tượng và định mức thuế; 22% doanh nghiệp chưa hiểu rõ các quy định về thủ tục khai và nộp thuế, 23% doanh nghiệp cho rằng cán bộ thuế chưa giải thích cụ thể, còn làm khó các doanh nghiệp.

## **4. Một số khuyến nghị**

### **4.1. Khuyến nghị đối với Thành phố**

Môi trường thể chế có tác động mạnh đến sự phát triển của DNN&SN. Để tạo dựng được môi trường thể chế thuận lợi cho các DNN&SN phát triển, thành phố nên tập trung tháo gỡ các rào cản trong quá trình phát triển của các DNN&SN thông qua một số các biện pháp cơ bản sau:

*4.1.1. Đẩy mạnh tuyên truyền về chủ trương xây dựng một “thành phố khởi nghiệp”; khơi dậy tinh thần kinh doanh của mọi người dân, nâng cao nhận thức của xã hội đối với DNN&SN*

Thành phố cần triển khai các hoạt động để mọi người dân đều hiểu và hỗ trợ tư tưởng xây dựng một thành phố khởi nghiệp (Senor và Singer, 2009), đặc biệt đối với giới công chức, viên chức nhà nước, những người trực tiếp hoặc gián tiếp tác động đến tư tưởng ủng hộ hoạt động kinh doanh của toàn xã hội. Đồng thời cần tích cực tuyên truyền, giáo dục về giá trị và vai trò trong xã hội của người doanh nhân trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất

nước để thu hút ngày càng nhiều người, nhất là giới trẻ định hướng lập nghiệp bằng con đường kinh doanh.

#### *4.1.2. Đẩy mạnh cải cách hành chính theo hướng phục vụ doanh nghiệp*

Thành phố cần cải tiến hơn nữa thủ tục hành chính, đặc biệt trong lĩnh vực kiểm tra kiểm soát hoạt động của các DNN&SN trên cơ sở vẫn đảm bảo đầy đủ những nguyên tắc pháp lý cần thiết. Các thủ tục hành chính còn nhiều bất cập, có quá nhiều đầu mối tham gia vào việc kiểm tra, kiểm soát dẫn tới tình trạng can thiệp quá sâu và có phần chông chéo của các cơ quan quản lý nhà nước vào quá trình hoạt động của các doanh nghiệp, làm giảm hiệu quả hoạt động của bộ máy đồng thời ảnh hưởng tiêu cực tới quyền tự chủ kinh doanh của các doanh nghiệp.

#### *4.1.3. Có chính sách bảo lãnh hoặc hỗ trợ vốn cho các DNN&SN*

Qua số liệu khảo sát cho thấy, tình trạng thiếu vốn kinh doanh là khó khăn chủ yếu của phần lớn các DNN&SN ở Hải Phòng hiện nay. Do nhiều nguyên nhân, các DNN&SN khó có khả năng vay vốn ngân hàng, đặc biệt vay trung hạn và dài hạn. Do đó, rất cần thành phố có các chương trình, thành lập các quỹ, có các chính sách nhằm bảo lãnh hoặc hỗ trợ để giúp các DNN&SN tiếp cận được với các nguồn vốn ngân hàng.

### **4.2. Khuyến nghị đối với các DNN&SN**

*4.2.1. Chủ động nâng cao năng lực tài chính, tăng cường khả năng huy động vốn và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn của các doanh nghiệp; đào tạo và nâng cao trình độ đội ngũ lao động trực tiếp và đội ngũ cán bộ quản lý*

Để thực hiện mục tiêu này, bản thân chủ các DNN&SN thành phố Hải Phòng cần thường xuyên chủ động tiếp cận các ngân hàng và các tổ chức tài chính, các quỹ để tìm nguồn vốn; chủ động trau dồi, nâng cao kiến thức quản trị bằng cách tham gia vào các lớp, các khoá học quản trị ngắn ngày để tiếp cận với kiến thức quản trị hiện đại và nắm bắt được những thông tin mới về kinh doanh. Doanh nghiệp cũng nên chủ động tham gia vào các hiệp hội, câu lạc bộ doanh nghiệp của thành phố và trên cả nước để học hỏi thêm kinh nghiệm từ các doanh nghiệp bạn.

*4.2.2. Chủ động mở rộng thị trường, nhưng trước*

*hết hãy tập trung vào thị trường địa phương.*

Chủ động tổ chức hoạt động marketing nhằm nghiên cứu và dự báo nhu cầu thị trường. Cần xây dựng các chiến lược tiếp thị hợp lý nhằm đảm bảo các chính sách về sản phẩm, giá cả, phân phối phù hợp với yêu cầu của thị trường. Các DNN&SN Hải Phòng nên đặc biệt quan tâm đến việc duy trì và mở rộng thị trường hiện tại tại địa phương trước khi mở rộng ra các tỉnh thành và nước ngoài.

### **4.3. Khuyến nghị đối với các hiệp hội**

Hiện nay, ở Hải Phòng đang có các hiệp hội doanh nghiệp hoạt động như Hiệp hội doanh nghiệp vừa và nhỏ, Hội doanh nhân trẻ thành phố, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam. Chức năng của các tổ chức này nhằm tăng cường sự kết nối và giao lưu kinh doanh giữa các doanh nghiệp và tăng cường sự hỗ trợ đối với các hoạt động xúc tiến thương mại và hợp tác kinh doanh. Tuy nhiên, các hiệp hội hoạt động thường riêng lẻ, sự gắn kết chưa lớn và mới tập trung nhiều vào các doanh nghiệp lớn và vừa, vì vậy còn hạn chế trong việc hỗ trợ và phát triển các DNN&SN.

Để thực hiện được chức năng đó các hiệp hội và đặc biệt là Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam cần phát huy hơn nữa vai trò là “Hiệp hội của các Hiệp hội” đi đầu trong việc hỗ trợ DNN&SN hiệu quả hơn bằng các hoạt động cụ thể như tăng cường sự kết nối và tham gia của các doanh nghiệp vào hiệp hội để tạo sân chơi chung cho các doanh nghiệp cùng hỗ trợ nhau trong kinh doanh; Quan tâm hơn đến việc kết nối các DNN&SN, đặc biệt là các hộ kinh doanh cá thể và các giải pháp hỗ trợ họ trong kinh doanh, tạo nên sự hợp tác giữa các hộ kinh doanh cùng ngành hàng hoặc nhóm các mặt hàng liên quan trong sản xuất và tiêu dùng. Thực tế hiện nay các hoạt động kết nối và hỗ trợ phần lớn mới dành cho các đối tượng doanh nghiệp thành lập theo Luật doanh nghiệp mà bỏ quên lực lượng các hộ kinh doanh cá thể đang chiếm tỷ lệ lớn trong tổng số các cơ sở kinh doanh hiện nay.

### **5. Kết luận**

DNN&SN có vai trò to lớn trong quá trình phát triển kinh tế xã hội của Hải Phòng, đặc biệt trong giai đoạn hiện nay khi hầu hết các doanh nghiệp lớn tại thành phố đang lâm vào cảnh điêu đứng do các khó khăn của thị trường trong và ngoài nước, dẫn đến việc đóng cửa và sa thải hàng loạt lao động. Phát triển DNN&SN cho phép Hải Phòng khắc

phục được những khó khăn đó và góp phần thực hiện thành công mục tiêu “phục hồi kinh tế và đổi mới mô hình tăng trưởng” trong năm 2014. Tuy nhiên, trên thực tế việc hình thành và phát triển các DNN&SN còn gặp nhiều khó khăn. Các DNN&SN vẫn đang phải đối mặt với những cản trở hữu hình và vô hình từ cơ chế chính sách, từ nhận thức và thái

độ của xã hội, cho tới những khó khăn nội tại của họ. Thành phố, hơn ai hết, cần tháo gỡ các khó khăn để các DNN&SN phát triển đúng với vai trò và tiềm năng của nó; cần chủ động thiết lập và tạo dựng môi trường và hành lang pháp lý cần thiết để xây dựng một “thành phố khởi nghiệp”, thúc đẩy mọi người dân khởi nghiệp. □

### Ghi chú:

1. Tính toán của tác giả dựa trên số liệu từ Niên giám thống kê TP Hải Phòng 2012 và các tài liệu liên quan do Sở Kế hoạch Đầu tư cung cấp.
2. Tính toán của Tác giả dựa trên số liệu của Sở KHĐT và Niên giám thống kê thành phố 2012. Đây là số vốn đăng ký kinh doanh của các DNN&SN đăng ký theo Luật doanh nghiệp, không bao gồm các cơ sở kinh doanh hộ gia đình, các HTX và các trang trại.

### Tài liệu tham khảo

- Phạm Văn Hồng và Nguyễn Thị Trang (2013), “*Phát triển DNN&SN trong chiến lược phát triển kinh tế xã hội của thành phố Hải Phòng*”, Đề tài khoa học, Trường Cao đẳng Công nghệ Viettronics.
- Ủy Ban Nhân dân Thành phố Hải Phòng (2010), *Chiến lược phát triển kinh tế xã hội thành phố Hải Phòng 2010-2020*, Hải Phòng.
- Cục Thống kê Thành phố Hải Phòng (2012), *Niên giám thống kê thành phố Hải Phòng*, Nhà xuất bản Thống kê.
- Chính phủ (2009), *Nghị định số 56/2009/NĐ-CP, về trợ giúp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa*, ban hành ngày 30 tháng 6 năm 2009.
- Senor, D. và Singer, S. (2009), *Quốc Gia khởi nghiệp – Câu chuyện thần kỳ về nền kinh tế Israel*, Trí Vương dịch, Nhà xuất bản Thế giới.

## Recommendations on supporting the development of small and micro enterprises in Hai Phong

### Abstract

*Micro and Small Enterprises (MSEs) are playing an important role in socio-economic development in Vietnam. There has been many different policies aiming at supporting them but these enterprises are still facing various challenges. Based on the findings from a study on SMEs in Hai Phong City, the article analyzes and evaluates current situation and contribution of SMEs to socio-economic development of Hai Phong and proposes some suggestions to local authority and associations for better support the SMEs.*

---

### Thông tin tác giả:

\***Phạm Văn Hồng**, tiến sĩ

- Tổ chức tác giả công tác: Trường Cao đẳng Công nghệ Viettronics.

- Lĩnh vực nghiên cứu: Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa; Môi trường kinh doanh; Lý thuyết quản trị; Quản trị doanh nghiệp; Hành vi tổ chức; Kỹ năng lãnh đạo.

- Một số tạp chí tiêu biểu đã đăng bài: Tạp chí Kinh tế và Phát triển; Tạp chí Công Thương.

- Địa chỉ liên hệ: Địa chỉ email: [phamvanhong@viettronics.edu.vn](mailto:phamvanhong@viettronics.edu.vn)